

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SINH HỌC LỚP 6

Cả năm: 37 tuần - 70 tiết

Học kỳ I: 19 tuần - 36 tiết

Học kỳ II: 18 tuần -34 tiết

HỌC KỲ I

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
MỞ ĐẦU SINH HỌC			
1	1	Bài 1: Đặc điểm của cơ thể sống.	
	2	Bài 2: Nhiệm vụ của Sinh học.	*
ĐẠI CƯƠNG VỀ GIỚI THỰC VẬT			
2	3	Bài 3: Đặc điểm chung của thực vật.	*
	4	Bài 4: Có phải tất cả thực vật đều có hoa?	
CHƯƠNG I. TẾ BÀO THỰC VẬT			
3	5	Bài 5: Thực hành: Kính lúp, kính hiển vi và cách sử dụng.	
	6	Bài 6; Thực hành :Quan sát tế bào thực vật.	
4	7	Bài 7: Cấu tạo tế bào thực vật.	
	8	Bài 8: Sự lớn lên và phân chia của tế bào.	
CHƯƠNG II. RỄ			
5	9	Bài 9; Các loại rễ, các miền của rễ.	
	10	Bài 10 : Cấu tạo miền hút của rễ.	
6	11	Bài 11: Sự hút nước và muối khoáng của rễ.	
	12	Bài 12: Biến dạng của rễ.	
CHƯƠNG III. THÂN			
7	13	Bài 13: Cấu tạo ngoài của thân.	
	14	Bài 14: Thân dài ra do đâu ?	
8	15	Bài 15: Cấu tạo trong của thân non.	
	16	Bài 16: Thân to ra do đâu?	
9	17	Bài 17: Vận chuyển các chất trong thân.	
	18	Bài 18: Biến dạng của thân.	
10	19	Ôn tập.	
	20	Kiểm tra 1 tiết.	
CHƯƠNG IV. LÁ			
11	21	Bài 19: Đặc điểm bên ngoài của lá.	
	22	Bài 20: Cấu tạo trong của phiến lá.	
12	23	Bài 21: Quang hợp.	
	24	Bài 21: Quang hợp (tiếp theo).	
13	25	Bài 22: Ảnh hưởng của các điều kiện bên ngoài đến quang hợp, ý nghĩa của quang hợp.	
	26	Bài 23: Cây có hô hấp không?	
14	27	Bài 24: Phần lớn nước vào cây đi đâu?	
	28	Bài 25: Biến dạng của lá.	
15	29	Bài tập.	

CHƯƠNG V. SINH SẢN SINH DƯỠNG			
	30	Bài 26: Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.	
16	31	Bài 27: Sinh sản sinh dưỡng do người.	
CHƯƠNG VI. HOA VÀ SINH SẢN HỮU TÍNH			
16	32	Bài 28: Cấu tạo và chức năng của hoa.	
17	33	Bài 29: Các loại hoa	
	34	Ôn tập	
18	35	Kiểm tra học kỳ I	*
19	36	Bài 30: Thụ phấn	*
HỌC KỲ II			
20	37	Bài 30: Thụ phấn (tiếp theo).	
	38	Bài 31: Thụ tinh, kết quả và tạo hạt.	
CHƯƠNG VII. QUẢ VÀ HẠT			
21	39	Bài 32: Các loại quả.	
	40	Bài 33; Hạt và các bộ phận của hạt.	
22	41	Bài 34: Phát tán của quả và hạt.	
	42	Bài 35: Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm.	
23	43,44	Bài 36: Tổng kết về cây có hoa.(2 tiết)	
CHƯƠNG VIII. CÁC NHÓM THỰC VẬT			
24	45	Bài 37: Tảo.	
	46	Bài 38: Rêu - Cây rêu.	
25	47	Bài 39: Quyết - Cây dương xỉ.	
	48	Ôn tập	
26	49	Kiểm tra 1 tiết	
	50	Bài 40 : Hạt trần – Cây thông.	
27	51	Bài 41: Hạt kín - Đặc điểm của thực vật Hạt kín.	
	52	Bài 42: Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm.	
28	53	Bài 43; Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật.	
	54	Bài 44: Sự phát triển của giới Thực vật (GV hướng dẫn đọc thêm)	
29	55	Bài 45: Nguồn gốc cây trồng.	
CHƯƠNG IX. VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT			
29	56	Bài 46; Thực vật góp phần điều hoà khí hậu.	
30	57	Bài 47: Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước.	
	58	Bài 48: Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người.	
31	59	Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người (tiếp theo).	
	60	Bài 49: Bảo vệ sự đa dạng của thực vật.	
CHƯƠNG X. VI KHUẨN - NẤM - ĐỊA Y			
32	61	Bài 50 : Vi khuẩn.	
	62	Bài 51: Mốc trắng ,nấm rơm	
33	63	Bài 51: Nấm(tt)-Đặc điểm sinh học và tầm quan trọng của nấm	*
	64	Bài 52: Địa y	*

34	65	Bài tập	
	66	Ôn tập học kỳ II.	
35	67	Kiểm tra học kỳ II.	
	68	Bài 53:Tham quan thiên nhiên.	
36	69	Bài 53: Tham quan thiên nhiên(tt)	
37	70	Bài 53: Tham quan thiên nhiên (tt)	

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH
SINH HỌC LỚP 7**

Cả năm: 37 tuần - 70 tiết
 Học kỳ I: 19 tuần - 36 tiết
 Học kỳ II: 18 tuần - 34 tiết

HỌC KỲ I

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
Mở đầu			
1	1	Bài 1: Thế giới động vật đa dạng, phong phú.	
	2	Bài 2: Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật.	
CHƯƠNG I. NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH			
2	3	Bài 3: <i>Thực hành</i> : Quan sát một số động vật nguyên sinh.	
2	4	Bài 4: Trùng roi.	
3	5	Bài 5: Trùng biến hình và trùng giày.	
	6	Bài 6: Trùng kiết lị và trùng sốt rét.	
4	7	Bài 7: Đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của Động vật nguyên sinh.	
CHƯƠNG II. NGÀNH RUỘT KHOANG			
4	8	Bài 8: Thủy tức.	
5	9	Bài 9: Đa dạng của ngành Ruột khoang.	
	10	Bài 10: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang.	
CHƯƠNG III. CÁC NGÀNH GIUN			
Ngành Giun dẹp			
6	11	Bài 11: Sán lá gan.	
	12	Bài 12: Một số giun dẹp khác và đặc điểm chung của ngành Giun dẹp.	
Ngành Giun tròn			
7	13,	Bài 13: Giun đũa.	
	14	Bài 14: Một số giun tròn khác và đặc điểm chung của ngành Giun tròn.	
Ngành Giun đốt			
8	15	Bài 15; <i>Thực hành</i> : Quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống của giun đất.	*
8,9	16, 17	Bài 16: <i>Thực hành</i> : Mổ và quan sát giun đất.	*
		Bài 17: Một số giun đốt khác và đặc điểm chung của ngành Giun đốt.	
9	18	Kiểm tra 1 tiết.	
CHƯƠNG IV. NGÀNH THÂN MỀM			
10	19	Bài 18: Trai sông.	
	20	Bài 19: <i>Thực hành</i> : Quan sát một số thân mềm.	*
11	21	Bài 20: <i>Thực hành</i> : Quan sát một số thân mềm (tiếp theo).	*
	22	Bài 21: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Thân mềm.	

CHƯƠNG V. NGÀNH CHÂN KHỚP			
Lớp Giáp xác			
12	23	<i>Bài 22: Thực hành:</i> Quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống của tôm sông.	*
	24	<i>Bài 23: Thực hành:</i> Mổ và quan sát tôm sông.	
13	25	Bài 24; Đa dạng và vai trò của lớp Giáp xác.	
Lớp Hình nhện			
13	26	Bài 25: Nhện và sự đa dạng của lớp Hình nhện.	
Lớp Sâu bọ			
14	27	Bài 26: Châu chấu.	
	28	Bài 27: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Sâu bọ.	
15	29	<i>Bài 28: Thực hành:</i> Xem băng hình về tập tính của sâu bọ.	
	30	Bài 29: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Chân khớp.	
CHƯƠNG VI. NGÀNH ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG			
Các lớp Cá			
16	31	<i>Bài 31 : Thực hành:</i> Quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống của cá.	
	32	<i>Bài 32: Thực hành:</i> Mổ cá.	
17	33	Bài 33: Cấu tạo trong của cá chép.	
	34	Bài 34: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Cá.	
18	35	Ôn tập học kỳ I (ôn theo nội dung bài 30)	
19	36	Kiểm tra học kỳ I.	
HỌC KỲ II			
Lớp Lưỡng cư			
20	37	Bài 35:Ếch đồng.	
	38	<i>Bài 36: Thực hành:</i> Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ.	
21	39	Bài 37: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng cư.	
Lớp Bò sát			
	40	Bài 38:Thằn lằn bóng đuôi dài.	
22	41	Bài 39: Cấu tạo trong của thằn lằn.	
	42	Bài 40: Đa dạng và đặc điểm của lớp Bò sát.	
Lớp Chim			
23	43	Bài 41: Chim bồ câu.	
	44	<i>Bài 42: Thực hành:</i> Quan sát bộ xương, mẫu mổ chim bồ câu.	
24	45	Bài 43: Cấu tạo trong của chim bồ câu.	
24	46	Bài 44: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Chim.	
25	47	<i>Bài 45: Thực hành:</i> Xem băng hình về đời sống và tập tính của Chim.	
Lớp Thú (lớp có vú).			
25	48	Bài 46:Thỏ.	
26	49	Bài 47: Cấu tạo trong của thỏ.	
	50	Bài 48: Đa dạng của lớp Thú Bộ thú huyệt, bộ Thú túi.	
27	51	Bài 49: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)	

		Bộ Dơi và bộ Cá voi.	
	52	Bài 50: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo) Bộ Ăn sâu bọ, bộ Gặm nhấm, bộ Ăn thịt.	
28	53	Bài 51; Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo) Các bộ Móng guốc và bộ Linh trưởng.	
	54	Bài 52: <i>Thực hành</i> : Xem băng hình về đời sống và tập tính của Thú.	
29	55	Bài tập.	*
	56	Kiểm tra 1 tiết.	
CHƯƠNG VII: SỰ TIẾN HOÁ CỦA ĐỘNG VẬT			
30	57	Bài 54; Tiến hoá về tổ chức cơ thể.	
	58	Bài 55: Tiến hoá về sinh sản.	
31	59	Bài 56: Cây phát sinh giới Động vật.	
CHƯƠNG VIII: ĐỘNG VẬT VÀ ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI			
31	60	Bài 57: Đa dạng sinh học.	
32	61	Bài 58; Đa dạng sinh học (tiếp theo).	
	62	Bài 59: Biện pháp đấu tranh sinh học.	
33	63	Bài 60; Động vật quý hiếm.	
33,34	64,65	Bài 61-62: <i>Thực hành</i> : Tìm hiểu một số động vật có tầm quan trọng trong kinh tế ở địa phương.	
34	66	Ôn tập học kỳ II.	
35	67	Kiểm tra học kỳ II.	
35,36	68,69,70	Bài 64,65,66: <i>Thực hành</i> : Tham quan thiên nhiên.	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SINH HỌC LỚP 8

*Cả năm: 37 tuần - 70 tiết
Học kỳ I: 19 tuần - 36 tiết
Học kỳ II: 18 tuần - 34 tiết*

HỌC KỲ I

Tuần	Tiết PPCT	Bài dạy	Ghi chú
1	1	Bài 1: Bài mở đầu.	
CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT VỀ CƠ THỂ NGƯỜI			
1	2	Bài 2: Cấu tạo cơ thể người.	
2	3	Bài 3: Tế bào.	
	4	Bài 4: Mô.	
3	5	Bài 5: <i>Thực hành</i> : Quan sát tế bào và mô.	
	6	Bài 6: Phản xạ.	
CHƯƠNG II. VẬN ĐỘNG			
4	7	Bài 7: Bộ xương.	
	8	Bài 8: Cấu tạo và tính chất của xương.	
5	9	Bài 9: Cấu tạo và tính chất của cơ.	
	10	Bài 10: Hoạt động của cơ.	
6	11	Bài 11: Tiến hoá của hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động.	
	12	Bài 12: <i>Thực hành</i> : Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương.	
CHƯƠNG III. TUẦN HOÀN			
7	13	Bài 13: Máu và môi trường trong cơ thể.	
	14	Bài 14: Bạch cầu - Miễn dịch.	
8	15	Bài 15: Đông máu và nguyên tắc truyền máu.	
	16	Bài 16: Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết.	
9	17	Bài 17: Tim và mạch máu.	
	18	Bài 18: Vận chuyển máu qua hệ mạch. Vệ sinh hệ tuần hoàn.	
10	19	<i>Thực hành</i> : Sơ cứu cầm máu.	*
	20	Kiểm tra 1 tiết	*
CHƯƠNG IV. HÔ HẤP			
11	21	Bài 20: Hô hấp và các cơ quan hô hấp.	
	22	Bài 21: Hoạt động hô hấp.	
12	23	Bài 22: Vệ sinh hô hấp.	
	24	Bài 23; <i>Thực hành</i> : Hô hấp nhân tạo.	
CHƯƠNG V. TIÊU HOÁ			
13	25 26	Bài 24: Tiêu hoá và các cơ quan tiêu hoá; Bài 25,26: Tiêu hoá ở khoang miệng. Thực hành tìm hiểu hoạt động của en zim trong nước bọt.	*
14	27	Bài 27: Tiêu hoá ở dạ dày.	
	28	Bài 28: Tiêu hoá ở ruột non	
15	29	Bài 29: Hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân.	
	30	Bài 30: Vệ sinh tiêu hoá.	
16	31	Bài tập.	

CHƯƠNG VI. TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG			
	32	Bài 31: Trao đổi chất	
17	33	Bài 32: Chuyển hoá.	
	34	Bài 33: Thân nhiệt.	
18	35	Ôn tập học kỳ I.	
19	36	Kiểm tra học kỳ I.	
HỌC KỲ II			
20	37	Bài 34: Vitamin và muối khoáng.	
	38	Bài 36: Tiêu chuẩn ăn uống. Nguyên tắc lập khẩu phần.	
21	39	Bài 37; <i>Thực hành</i> : Phân tích một khẩu phần cho trước.	
CHƯƠNG VII. BÀI TIẾT			
	40	Bài 38; Bài tiết và cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu.	
22	41	Bài 39: Bài tiết nước tiểu.	
	42	Bài 40: Vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu.	
CHƯƠNG VIII. DA			
23	43	Bài 41: Cấu tạo và chức năng của da.	
	44	Bài 42: Vệ sinh da.	
CHƯƠNG IX. THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN			
24	45	Bài 43: Giới thiệu chung hệ thần kinh.	
	46	Bài 44: <i>Thực hành</i> : Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tuỷ sống.	
25	47	Bài 45: Dây thần kinh tuỷ.	
	48	Bài 46: Trụ não, tiểu não, não trung gian.	
26	49	Bài 47: Đại não.	
	50	Bài 48: Hệ thần kinh sinh dưỡng.	
27	51	Bài 49: Cơ quan phân tích thị giác.	
	52	Bài 50 : Vệ sinh mắt.	
28	53	Bài 51 : Cơ quan phân tích thính giác.	
	54	Bài 52; Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.	
29	55	Bài 53: Hoạt động thần kinh cấp cao ở người.	
	56	Bài 54: Vệ sinh hệ thần kinh.	
30	57	Kiểm tra 1 tiết.	
CHƯƠNG X. NỘI TIẾT			
30	58	Bài 55; Giới thiệu chung hệ nội tiết.	
31	59	Bài 56: Tuyến yên, tuyến giáp.	
	60	Bài 57: Tuyến tụy và tuyến trên thận.	
32	61	Bài 58: Tuyến sinh dục.	
	62	Bài 59: Sự điều hoà và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết.	
CHƯƠNG XI. SINH SẢN			
33	63	Bài 60: Cơ quan sinh dục nam.	*
	64	Bài 61: Cơ quan sinh dục nữ.	*
34	65	Bài 62: Thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai.	
	66	Bài 63: Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai.	*
35	67	Bài 64-65: Các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh tình dục). Đại dịch AIDS - Thảm hoạ của loài người.	*
	68	Bài tập.	

36	69	Ôn tập kỳ II.	
37	70	Kiểm tra học kỳ II.	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SINH HỌC LỚP 9

*Cả năm: 37 tuần - 70 tiết
Học kì I: 19 tuần - 36 tiết
Học kì II: 18 tuần - 34 tiết*

HỌC KỲ I

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ			
Chương I. CÁC THÍ NGHIỆM CỦA MEN ĐEN			
1	1	Bài 1 : Mendel và Di truyền học.	
	2	Bài 2 : Lai một cặp tính trạng.	
2	3	Bài 3: Lai một cặp tính trạng (tiếp theo).	
	4	Bài 4: Lai hai cặp tính trạng.	
3	5	Bài 5: Lai hai cặp tính trạng (tiếp theo).	
	6	Bài 6: <i>Thực hành:</i> Tính xác suất xuất hiện các mặt của đồng kim loại.	
4	7	Bài tập chương I.	
CHƯƠNG II. NHIỄM SẮC THỂ			
	8	Bài 8: Nhiễm sắc thể.	
5	9	Bài 9: Nguyên phân.	
	10	Bài 10: Giảm phân.	
6	11	Bài 11: Phát sinh giao tử và thụ tinh.	
	12	Bài 12: Cơ chế xác định giới tính.	
7	13	Bài 13; Di truyền liên kết.	
	14	Bài 14: <i>Thực hành:</i> Quan sát hình thái nhiễm sắc thể.	
8	15	Bài 15: ADN.	
CHƯƠNG III. ADN VÀ GEN			
	16	Bài 16: ADN và bản chất của gen.	
9	17	Bài 17: Mối quan hệ giữa gen và ARN.	
	18	Bài 18; Prôtêin.	
10	19	Bài 19: Mối quan hệ giữa gen và tính trạng.	
	20	Bài 20 : <i>Thực hành:</i> Quan sát và lắp mô hình ADN.	
11	21	Ôn tập kiểm tra	*
	22	Kiểm tra 1 tiết.	
CHƯƠNG IV. BIẾN DỊ			
12	23	Bài 21: Đột biến gen.	
	24	Bài 22: Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.	
13	25,26	Bài 23: Đột biến số lượng nhiễm sắc thể	
		Bài 24: Đột biến số lượng nhiễm sắc thể (tiếp theo).	
14	27	Bài 25: Thường biến.	
	28	Bài 26: <i>Thực hành:</i> Nhận biết một vài dạng đột biến.	
15	29	Bài 27: <i>Thực hành:</i> Quan sát thường biến.	
CHƯƠNG V. DI TRUYỀN HỌC NGƯỜI			
	30	Bài 28: Phương pháp nghiên cứu di truyền người.	
16	31	Bài 29: Bệnh và tật di truyền ở người.	

	32	Bài 30: Di truyền học với con người.	
CHƯƠNG VI. ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC			
17	33	Bài 31: Công nghệ tế bào.	
	34	Bài 32: Công nghệ gen.	
18	35	Ôn tập học kỳ I	
19	36	Kiểm tra học kỳ I	

HỌC KỲ II

20	37	Bài 34: Thoái hóa do tự thụ phấn và do giao phối gần.	
	38	Bài 35: Ưu thế lai	
21	39	Đọc thêm : Gây đột biến nhân tạo trong chọn giống, Các phương pháp chọn lọc (GV hướng dẫn đọc thêm)	*
	40	Bài 37: Thành tựu chọn giống ở Việt Nam	
22	41	Bài 38: Thực hành : Tập dượt thao tác giao phấn.	
	42	Bài 39: Thực hành :Tìm hiểu Thành tựu chọn giống ở Việt Nam	

SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG **Chương I. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

23	43	Bài 41: Môi trường và các nhân tố sinh thái.	
	44	Bài 42: Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật.	
24	45	Bài 43: Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật.	
	46	Bài 44; Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật.	
25	47, 48	Bài 45-46: <i>Thực hành</i> : Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.	

CHƯƠNG II. HỆ SINH THÁI

26	49	Bài 47: Quần thể sinh vật.	
	50	Bài 48: Quần thể người.	
27	51	Bài 49: Quần xã sinh vật.	
	52	Bài 50: Hệ sinh thái.	
28	53, 54	Bài 51-52: <i>Thực hành</i> : Hệ sinh thái.	*
29	55	Kiểm tra 1 tiết.	*

CHƯƠNG III. CON NGƯỜI, DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG

29	56	Bài 53: Tác động của con người đối với môi trường.	
30	57	Bài 54: Ô nhiễm môi trường.	
	58	Bài 55: Ô nhiễm môi trường (tiếp theo).	
31	59,60	Bài 56-57: <i>Thực hành</i> : Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương.	

CHƯƠNG IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

32	61	Bài 58: Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.	
	62	Bài 59: Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã.	
33	63	Bài 60: Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái.	*
	64	Bài 61: Luật bảo vệ môi trường.	*
34	65	Bài 62: <i>Thực hành</i> : Vận dụng luật bảo vệ môi trường vào việc bảo vệ môi trường ở địa phương.	
	66	Ôn tập cuối học kỳ II (Phần sinh vật-môi trường)	*
35	67	Kiểm tra học kì II.	
35,36,37	68-70	Bài 64,65,66: Tổng kết chương trình toàn cấp.	